

Bản án số: 02/2026/HS-ST
Ngày 08/01/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Kim Oanh
Ông Bùi Văn Tàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2025, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 104/TB-TA ngày 22 tháng 12 năm 2025 đối với:

1. **Bị cáo:** **Trần Xuân H**, sinh ngày 24/12/2003 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú: **Tổ C, phường N, tỉnh Quảng Ngãi**; nghề nghiệp: không có; số căn cước công dân: 051203002496, cấp ngày 21/01/2025. Nơi cấp: **Bộ C**; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Xuân H1**, sinh năm 1965 và con bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1965; vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/7/2025 đến nay, bị cáo đang giam có mặt tại phiên tòa.

2. **Bị hại:** ông **Trần Thiện Á**, sinh năm 1977, nơi thường trú: **thôn X, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:** là bà **Bùi Thị Thuyết A** – Trợ giúp viên pháp lý của **Trung tâm T1** thuộc Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi, theo Quyết định cử trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng số 444/QĐ-TGPL1

ngày 21/8/2025. Địa chỉ: số F đường P, phường C, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

4. Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị Hoa Dạ L, sinh năm 1994.

+ Ông Phạm Văn H2, sinh năm 1986.

+ Ông Huỳnh Bảo L1, sinh năm 2009.

Cùng nơi thường trú: thôn X, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 22/7/2025, Trần Xuân H, sinh ngày 24/12/2003, trú tại tổ C phường N, tỉnh Quảng Ngãi đi bộ đến quán nước của bà Nguyễn Thị Hoa Dạ L, sinh năm 1994, ở tại thôn X, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi để uống nước. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, trong lúc đang ngồi uống nước tại quán, Trần Xuân H nhìn thấy ông Trần Thiện Á, sinh năm 1977, ở tại thôn X, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi cũng đang ngồi trong quán nước cách vị trí H ngồi khoảng 03m, xe lẫn của ông Á để bên cạnh ghế ngồi của ông Á, trên người có đeo túi xách để trước ngực và đang đếm tiền thì biết ông Á làm nghề bán vé số. Trần Xuân H nảy sinh ý định lấy tiền của ông Á nhưng không dám giật tiền, sau đó H để ý thấy ông Á có sử dụng điện thoại nên Trần Xuân H nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của ông Trần Thiện Á để bán lấy tiền tiêu xài. Trần Xuân H đi đến bên cạnh ông Trần Thiện Á rồi dùng tay phải giật điện thoại di động trên tay trái của ông Á và bỏ chạy ra khỏi quán nước, chạy theo đường bê tông (ở phía Tây giao nhau với đường Q) thuộc thôn X, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Khi bị Trần Xuân H giật điện thoại, ông Á truy hô thì bà Nguyễn Thị Hoa Dạ L trong nhà chạy ra biết ông Á bị giật điện thoại nên chạy theo truy hô thì anh Phạm Văn H2, sinh năm 1986, ở tại thôn X, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi ở gần đó biết nên lấy xe mô tô cùng với anh Huỳnh Bảo L1, sinh năm 2009, ở cùng thôn X đuổi theo và phát hiện Trần Xuân H đang chạy bộ trên đường bê tông liên thôn X cách hiện trường khoảng 500m về phía Tây, anh H2 cùng với anh L1 giữ được Trần Xuân H cùng với điện thoại di động Trần Xuân H đang cầm trên tay. Sau đó anh H2 báo cho Công an xã Đ đến lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ tang vật trên người Hàn là 01 (một) điện thoại di động hiệu S, loại A12.

Kết luận định giá tài sản số 114/KL-HĐĐGTS, ngày 21/8/2025 của Hội đồng Định giá thường xuyên cấp tỉnh trong tố tụng hình sự, kết luận: giá trị của

2

01 chiếc điện thoại di động, hiệu **S**, loại A12, đã qua sử dụng; có IMEI 1: 354813602151712, IMEI 2: 356766632151714 tài sản tại thời điểm ngày 22/7/2025 là 1.000.000đồng (Một triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKS-KV2, ngày 24/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo **Trần Xuân H** về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo về tội “*Cướp giật tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; xử lý vật chứng: đối với 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng hãng **S**, loại A12, đã qua sử dụng của ông **Trần Thiện Â** nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông **Â** theo quy định; đối với 01 (một) đĩa DVD-R, màu vàng thể hiện nội dung liên quan đến vụ việc Cướp giật tài sản được thu từ hệ thống camera an ninh của người dân đã lưu trữ đĩa tại hồ sơ vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về phần dân sự: Trong vụ án bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt không yêu cầu về vấn đề dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Ý kiến bào chữa, tranh luận của bị cáo: không có tranh luận gì.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: tại bản luận cứ bảo vệ cho bị hại Trợ giúp viên pháp lý bà **Bùi Thị Thuyết A** trình bày: về tội danh, khung hình phạt không có ý kiến tranh luận gì; về tình tiết giảm nhẹ hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về phần dân sự: không có yêu cầu khiếu nại gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; người tham gia tố tụng khác cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.3] Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, người làm chứng nhưng hồ sơ vụ án đã có lời khai của những người vắng mặt, hơn nữa bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, việc vắng mặt của những người nói trên không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận: Khoảng 12 giờ ngày 22/7/2025, trong lúc đang ngồi uống nước tại quán của bà Nguyễn Thị H3 Dạ L, ở tại thôn X, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi thì Trần Xuân H nhìn thấy ông Trần Thiện A là người bán vé số, đi lại khó khăn (ông A để xe lăn của ông bên cạnh) cũng đang ngồi uống nước tại đây và lúc này ông A đang đếm tiền thì H nảy sinh ý định giật tiền của ông A để trả nợ và tiêu xài nhưng sau đó H chuyển qua ý định giật điện thoại nên H đứng dậy đi đến gần bàn ông A dùng tay phải giật điện thoại di động ông A đang cầm trên tay trái và bỏ chạy được 500m trên tuyến đường bê tông thì bị người dân đuổi theo bắt giữ cùng tang vật chứng vụ án là điện thoại hiệu S, loại A12, đã qua sử dụng.

Bị hại Trần Thiện A là người bị khuyết tật nặng theo dạng khuyết tật vận động, đi lại khó khăn theo Giấy xác nhận khuyết tật số 55/BS do UBND xã B (nay là xã Đ) cấp ngày 25/8/2013 và được UBND huyện B trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người khuyết tật theo Quyết định số 2100/QĐ-UBND, ngày 22/5/2015 theo diện Người khuyết tật nặng thuộc diện nghèo.

Kết luận định giá tài sản số 114/KL-HĐĐGTS, ngày 21/8/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên cấp tỉnh trong tố tụng hình sự, kết luận: giá trị của 01 chiếc điện thoại di động, hiệu S, loại A12, đã qua sử dụng; có IMEI 1: 354813602151712, IMEI 2: 356766632151714 tài sản tại thời điểm ngày 22/7/2025 là 1.000.000đồng (một triệu đồng).

Bị cáo thống nhất với Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá thường xuyên cấp tỉnh trong tố tụng hình sự.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có tại hồ sơ vụ án; lời khai bị hại; vật chứng được thu giữ, các tài liệu về hiện trường, định giá và các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo như trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất, vai trò, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, điều khiển hành vi nhưng xem thường pháp luật; hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, hành vi cướp giật tài sản của bị cáo đối với bị hại là người khuyết tật không những vi phạm quy định về pháp luật hình sự mà còn vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc người khuyết tật được quy định tại khoản 1 Điều 7; khoản 2 Điều 14 Luật Người khuyết tật, bên cạnh đó còn làm ảnh hưởng xấu đến các giá trị đạo đức nên cần phải xử phạt mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[2.3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có cha là ông **Trần Xuân H1** là Cựu chiến binh; bị cáo hoàn thành nghĩa vụ quân sự nên Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[2.4] Về phần dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu khiếu nại gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.5] Về xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động hãng **S**, loại A12 của ông **Trần Thiện A**, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông **Trần Thiện A** và 01 (một) đĩa DVD-R, màu vàng thể hiện nội dung liên quan đến vụ việc Cướp giật tài sản được thu từ hệ thống camera an ninh của người dân đã lưu trữ đĩa tại hồ sơ vụ án đều đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết

[3] Xét ý kiến bào chữa, tranh luận của bị cáo: bị cáo không có tranh luận gì nên không xét.

[4] Xét ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Xét lời nói sau cùng của bị cáo: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo tương ứng với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: bị cáo; bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Trần Xuân H** phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Xử phạt: bị cáo **Trần Xuân H** 03 (Ba) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22/7/2025.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên buộc **Trần Xuân H** phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/01/2026).

Bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng CSĐT; Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSNDKV 2 – Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV 2 – Quảng Ngãi;
- UBND phường Nghĩa Lộ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Tương